TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1177/2022/QĐST-HNGĐ
Ngày: 29/7/2022
Về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Thành phần phiên họp gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Thu Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Võ Thị Thoa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Hà Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp công khai xét việc dân sự thụ lý số 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con". Theo Quyết định mở phiên họp số 3923/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Khưu Mỹ L, sinh năm 1988 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ: 12 Billing Street Springvale Vic 3171, Australia.

2/ Ông Trần Hoàng L, sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ: 45/22 đường số 4, cư xá Đ, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp cho bà L và ông L (để nhận giấy tờ, quyết định của Tòa án): ông Nguyễn Bình P, sinh năm 1982 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt) theo giấy ủy quyền số 971, quyển số 01/2022-SCT/CK,CĐ ngày 17/5/2022 được Đại sứ quán Việt Nam tại Australia chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 17/5/2022 và giấy ủy quyền số 11145, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/5/2022 tại Văn phòng công chứng số 02.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo ông Trần Hoàng L trình bày:

Ông bà Khưu Mỹ L kết hôn vào năm 2007, theo giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/02/2007.

Sau khi kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2018 cả hai bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2019 bà Khưu Mỹ L sang Úc sinh sống và làm việc. Do sống cách xa nhau nên không có thời gian quan tâm, chăm sóc nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Trên thực tế hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Khưu Mỹ L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 04/11/2006 hiện đang sinh sống với ông và học tập tại Việt Nam và Trần Gia L1, sinh ngày 04/10/2016, hiện đang ở với bà Khưu Mỹ L tại Úc, sau khi ly hôn ông đồng ý giao cả hai con cho bà Khưu Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung : Không có.

Bị đơn bà Khưu Mỹ L trình bày tại bản tự khai ngày 17/5/2022 được Đại sứ quán Việt Nam tại Australia chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 17/5/2022 có nội dung như sau: Bà và ông Trần Hoàng L kết hôn vào năm 2007, theo giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/02/2007.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn bà thống nhất như trình bày của ông Trần Hoàng L. Về yêu cầu thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con giữa bà và ông Trần Hoàng L bà có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý thuận tình ly hôn với ông Trần Hoàng L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 04/11/2006 hiện đang sinh sống và học tập tại Việt Nam và Trần Gia L1, sinh ngày 04/10/2016 hiện đang ở với bà tại Úc , sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà không yêu cầu ông Trần Hoàng L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Trẻ Trần Gia L, sinh ngày 04/11/2006 có bản khai trình bày nguyện vọng yêu cầu được ở với mẹ là bà Khưu Mỹ L.

Tại phiên họp giải quyết việc dân sự ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L đều có đơn yêu cầu vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ việc đúng thẩm quyền, xác định đúng yêu cầu, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ việc đúng thời hạn quy định. Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con của ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết yêu cầu: Ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*", là yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bà Khưu Mỹ L là người yêu cầu cư trú tại Australia nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 39, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L có đơn xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung yêu cầu của ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L:

Theo các đương sự thống nhất trình bày và hồ sơ thể hiện thì:

Ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L kết hôn vào năm 2007, theo giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/02/2007.

Sau khi kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2018 cả hai bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2019 bà Khưu Mỹ L sang Úc sinh sống và làm việc. Do sống cách xa nhau nên không có thời gian quan tâm, chăm sóc nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Trên thực tế hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay hai bên đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét thấy mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi vợ chồng thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Đây cũng là tình cảm và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau và được quy định trong Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nay tình cảm giữa ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L không còn, cũng không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của các đương sự. Do đó ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 04/11/2006 hiện đang sinh sống và học tập tại Việt Nam cùng cha và Trần Gia L1, sinh ngày

04/10/2016 hiện đang ở với mẹ tại Úc , sau khi ly hôn ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L thỏa thuận giao 02 con chung cho bà Khưu Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông Trần Hoàng L không cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của trẻ Trần Gia L muốn được sống cùng với mẹ được ghi nhận tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chung tại Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 4/7/2022. Xét thấy sự thỏa thuận của đương sự là có căn cứ và hợp pháp không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

Về tài sản chung: Ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L khai không có nên không xét.

Về nợ chung: Ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L khai không có nên không xét.

[4] *Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm*: Ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 367, Điều 371, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung của ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

Thỏa thuận giao 02 con chung tên Trần Gia L, sinh ngày 04/11/2006 và Trần Gia L1, sinh ngày 04/10/2016 cho mẹ là bà Khưu Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Hoàng L không cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Về nợ chung: Không có.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L phải chịu nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002086 ngày 5/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Hoàng L và bà Khưu Mỹ L đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Phường 4, Quận 3, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Thu Phương